

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỖ GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|--|---------|
| 1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị | 02 - 04 |
| 2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ | 05 - 06 |
| 3. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 | 07 - 08 |
| 4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 | 09 |
| 5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 | 10 |
| 6. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 | 11 - 29 |
| 7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu | 30 |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 33030700039 ngày 14 tháng 07 năm 2003 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty thay đổi lần thứ 15 số 4000386181 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VHG.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính đến 30 tháng 06 năm 2018

- Địa chỉ : Thôn Phú Sơn, Xã Ba, Huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại : +84 (235) 3 947 234
- Fax : +84 (235) 3 943 333
- Mã số thuế : 4 0 0 0 3 8 6 1 8 1

• Thông tin về Công ty con tính đến 30 tháng 06 năm 2018

| Tên công ty | Trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|---|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam | Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. | 96,91% | 96,91% | 96,91% |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam | Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam | 98,66% | 98,66% | 98,66% |

• Thông tin về Công ty liên kết tính đến 30 tháng 06 năm 2018

| Tên công ty | Trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|--|---------------|------------------------|---------------|
| Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn | Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội | 35% | 35% | 35% |

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

4.1 Hội đồng Quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Vũ Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | - | - |
| Ông Nguyễn Thăng Lợi | Thành viên | - | - |
| Ông Khuất Duy Tiến | Thành viên | - | - |
| Bà Phạm Thị Minh Phượng | Thành viên | 19/07/2017 | - |
| Ông Trần Đăng Khoa | Thành viên | - | - |

4.2 Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa | Trưởng Ban | - | - |
| Ông Nguyễn Đình Quyết | Thành viên | - | - |
| Bà Hồ Thị Thu Hồng | Thành viên | - | - |

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|----------------------------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Vũ Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | - | - |
| Ông Lê Khiếu Phương | Kế toán trưởng | - | - |

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2018 như sau:

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----------------|----------------------------------|---------------|-----------------|
| Ông Vũ Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | - | - |

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng từ trang 07 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Tính đến ngày 21 tháng 08 năm 2018 Công ty có đăng ký thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16. Theo đó, Công ty chuyển sang trụ sở mới là Lô 04 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, P.Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Hội đồng quản trị thay đổi

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|----------------------------|-----------------|
| Ông Trần Quang Thái | Thành viên | 08/08/2018 | - |
| Ông Trần Đăng Khoa | Thành viên | - | 08/08/2018 |

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



VŨ ANH TUẤN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018.



Số: 2328/18/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 8 năm 2018, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán viên.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Năm trước Công ty đã lập dự phòng cho khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo giá sổ sách ước tính giá trị có thể thu hồi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 170.278.826.266 đồng và đến thời điểm này vẫn còn. Theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 thì Công ty sẽ không phải trích lập số tiền nêu trên. Theo đó, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu năm trên Bảng cân đối kế toán đang lỗ từ (926.100.224.727) đồng xuống (755.821.398.461) đồng và số cuối kỳ vẫn còn ảnh hưởng từ (938.197.928.047) đồng xuống (767.919.101.781) đồng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những vấn đề nêu ở đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Theo Thuyết minh mục VII.5, hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến soát xét kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của Báo cáo tài chính riêng này chỉ phản ánh tình hình tài chính riêng và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả kinh doanh riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Việc hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam với các Công ty con không thuộc phạm vi Báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VND

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 8.493.117.068 | 123.370.499.857 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.1 | 124.860.033 | 275.549.955 |
| 111 | 1. Tiền | | 124.860.033 | 275.549.955 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | - |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 5.2a | 60.000.000 | 86.000.000 |
| 121 | 1. Chứng khoán kinh doanh | | 350.000.000 | 350.000.000 |
| 122 | 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | | (290.000.000) | (264.000.000) |
| 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | - | - |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 8.239.705.990 | 122.973.705.990 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5.3 | 10.119.298.506 | 10.119.298.506 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 5.4 | 10.100.081.755 | 10.265.081.755 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 5.5 | 71.144.828.640 | 185.713.828.640 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 5.6 | (83.124.502.911) | (83.124.502.911) |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | | - | - |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | 5.7 | 8.910.019.214 | 8.910.019.214 |
| 149 | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | | (8.910.019.214) | (8.910.019.214) |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 68.551.045 | 35.243.912 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | - | - |
| 152 | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | | 36.467.154 | 3.160.021 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 32.083.891 | 32.083.891 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 626.208.481.468 | 528.783.075.450 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | - | - |
| 220 | II. Tài sản cố định | | - | - |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | | - | - |
| 222 | - Nguyên giá | | - | - |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | - | - |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 5.8 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 675.311.099 | 675.311.099 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (675.311.099) | (675.311.099) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | | - | - |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | - | - |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | - | - |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 5.2b | 626.208.481.468 | 528.783.075.450 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 923.755.000.000 | 923.755.000.000 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 108.500.000.000 | - |
| 253 | 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 225.902.553.859 | 225.902.553.859 |
| 254 | 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | (631.949.072.391) | (620.874.478.409) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | | - | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 634.701.598.536 | 652.153.575.307 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 46.730.411.699 | 52.084.685.150 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 44.383.653.202 | 49.857.926.653 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 5.9 | 1.382.626.348 | 1.371.626.348 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 65.647.215 | 65.647.215 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 5.10 | 159.765.245 | 162.268.816 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 49.620.615 | 48.215.958 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 865.122.915 | 563.735.240 |
| 319 | 6. Phải trả ngắn hạn khác | 5.11 | 35.413.825.198 | 41.199.387.410 |
| 320 | 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 5.12a | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| 321 | 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | - | - |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 947.045.666 | 947.045.666 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 2.346.758.497 | 2.226.758.497 |
| 338 | 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 5.12b | 2.346.758.497 | 2.226.758.497 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 587.971.186.837 | 600.068.890.157 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 5.13 | 587.971.186.837 | 600.068.890.157 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 26.169.114.884 | 26.169.114.884 |
| 413 | 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | | - | - |
| 415 | 4. Cổ phiếu quỹ (*) | | - | - |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (938.197.928.047) | (926.100.224.727) |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | | (926.100.224.727) | 116.129.392.211 |
| 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | | (12.097.703.320) | (1.042.229.616.938) |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | - | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 634.701.598.536 | 652.153.575.307 |

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

ANH TUẤN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VNĐ

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|-------|--|-------------|----------------------|----------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 6.1 | - | 16.078.973.210 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | 16.078.973.210 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 6.2 | - | 24.967.620.406 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | - | (8.888.647.196) |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | | 178.185 | 5.062.980 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 6.3 | 11.402.346.880 | 142.056.684.165 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | | 301.387.675 | 197.765.785 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | | - | 16.911.364 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6.4 | 667.724.715 | 62.573.866.049 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (12.069.893.410) | (213.531.045.794) |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | - | 21.404.853 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 6.6 | 27.809.910 | 787.517.547 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (27.809.910) | (766.112.694) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (12.097.703.320) | (214.297.158.488) |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 5.10 | - | - |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (12.097.703.320) | (214.297.158.488) |

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc





TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

ANH TUẤN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

ĐVT: VNĐ

| Mã số | Chỉ tiêu | Thuyết minh | 6 tháng đầu năm 2018 | 6 tháng đầu năm 2017 |
|-------|--|-------------|--------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước thuế | | (12.097.703.320) | (214.297.158.488) |
| | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | 11.100.593.982 | 194.957.983.356 |
| 02 | - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | | | 9.749.542 |
| 03 | - Các khoản dự phòng | | 11.100.593.982 | 194.771.872.882 |
| 04 | - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | - | - |
| 05 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | - | (21.404.853) |
| 06 | - Chi phí lãi vay | | - | 197.765.785 |
| 07 | - Các khoản điều chỉnh khác | | - | - |
| 08 | 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (997.109.338) | (19.339.175.132) |
| 09 | - Tăng, giảm các khoản phải thu | | 114.700.692.867 | 69.387.453.510 |
| 10 | - Tăng, giảm hàng tồn kho | | - | 16.566.137.192 |
| 11 | - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | | (5.474.273.451) | 8.243.764.053 |
| 12 | - Tăng, giảm chi phí trả trước | | - | 32.000.000 |
| 13 | - Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | | - | - |
| 14 | - Tiền lãi vay đã trả | | - | - |
| 15 | - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | - | - |
| 16 | - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 17 | - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | | - | - |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 108.229.310.078 | 74.890.179.623 |
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | - |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | - | 45.580.000 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | - | - |
| 25 | 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (108.500.000.000) | (95.129.210.307) |
| 26 | 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 19.000.000.000 |
| 27 | 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | - | - |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (108.500.000.000) | (76.083.630.307) |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | - | - |
| 32 | 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | | - | - |
| 33 | 3. Tiền thu từ đi vay | | 120.000.000 | 1.644.000.000 |
| 34 | 4. Tiền trả nợ gốc vay | | - | (1.315.000.000) |
| 35 | 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | | - | - |
| 36 | 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | - | - |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 120.000.000 | 329.000.000 |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | | (150.689.922) | (864.450.684) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 275.549.955 | 1.434.940.190 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | - | - |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | | 124.860.033 | 570.489.506 |

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018
 Tổng Giám Đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng




TRƯƠNG VĂN THỊNH

LÊ KHIẾU PHƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ và đầu tư tài chính.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (Chi tiết: sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm);
- Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Trồng cây cao su;
- Khai thác gỗ;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa và trồng cây cao su.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động trồng và khai thác cao su có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ, nhân sự giảm sút đáng kể

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính, do vậy, trong kỳ Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|---|---|----------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| 1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam | Khu B, Lô 4, Khu Công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. | Khai thác khoáng sản | 96,91% | 96,91% | 96,91% |
| 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam | Thôn Phú Sơn, xã Ba, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam | Trồng cây Cao su | 98,66% | 98,66% | 98,66% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|---|---------------|------------------------|---------------|
| 1. Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn | Nhà số 2, LK6B, KĐT Mỗ Lao, Q. Hà Đông, Tp.Hà Nội | 35% | 35% | 35% |

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Không có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Giả thiết về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Công ty đang trong quá trình tiếp tục triển khai các dự án để đảm bảo dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu lại các khoản đầu tư tài chính và các hoạt động kinh doanh chính. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở đáp ứng giá định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn cố thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 06 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 12 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 03 – 07 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

16. **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|--------------------|--------------------|
| - Tiền mặt | 58.160.577 | 156.087.903 |
| - Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 66.699.456 | 119.462.052 |
| Cộng | 124.860.033 | 275.549.955 |

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/dài hạn

2a. Chứng khoán kinh doanh

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|--------------------|-------------------------------|----------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý ^(*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Cổ phiếu | 350.000.000 | 60.000.000 | (290.000.000) | 350.000.000 | 86.000.000 | (264.000.000) |
| - Công ty TM & DV Dầu Khí Vũng Tàu (VMG) | 350.000.000 | 60.000.000 | (290.000.000) | 350.000.000 | 86.000.000 | (264.000.000) |
| Cộng | 350.000.000 | 60.000.000 | (290.000.000) | 350.000.000 | 86.000.000 | (264.000.000) |

^(*) Giá trị hợp lý căn cứ vào giá chứng khoán căn cứ vào giá trên sàn Upcom tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

2b. Đầu tư tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|---|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý ^(*) | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Đầu tư vào Công ty con | 923.755.000.000 | 463.908.244.589 | (459.846.755.411) | 923.755.000.000 | 472.456.650.516 | (450.595.652.143) |
| - Công ty Cp Khoáng sản Quảng Nam | 627.755.000.000 | 252.273.307.676 | (375.481.692.324) | 627.755.000.000 | 252.434.474.607 | (374.617.828.052) |
| - Công ty Cp Công nghiệp Cao Su Quảng Nam | 296.000.000.000 | 211.634.936.913 | (84.365.063.087) | 296.000.000.000 | 220.022.175.909 | (75.977.824.091) |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 108.500.000.000 | 106.676.509.286 | (1.823.490.714) | - | - | - |
| Công ty Cp Sản xuất Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn | 108.500.000.000 | 106.676.509.286 | (1.823.490.714) | - | - | - |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 225.902.553.859 | 55.623.727.593 | (170.278.826.266) | 225.902.553.859 | 55.623.727.593 | (170.278.826.266) |
| - Công ty Cp Phát triển BĐS Tây Hồ Tây | 225.902.553.859 | 55.623.727.593 | (170.278.826.266) | 225.902.553.859 | 55.623.727.593 | (170.278.826.266) |
| Công ty Cp Thủy sản Viễn Đông | - | - | - | - | - | - |
| Cộng | 1.258.157.553.859 | 626.208.481.468 | (631.949.072.391) | 1.149.657.553.859 | 528.080.378.109 | (620.874.478.409) |

^(*)Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được tạm tính theo giá gốc của các khoản đầu tư trừ cho dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư đó. Trong đó dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được tính theo hướng dẫn điều 5 của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung điều 5 của Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính (do không có giá giao dịch). Tuy nhiên, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP BĐS Tây Hồ Tây căn cứ theo giá trị sổ sách ước tính có thể thu hồi được tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Số đầu năm | (620.874.478.409) | (5.521.127.187) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (11.074.593.982) | (124.734.237.086) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (631.949.072.391) | (130.255.364.273) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan</i> | - | - |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng các khách hàng khác | 10.119.298.506 | 10.119.298.506 |
| - Công ty Cp XD Thủy Lợi - Thủy Điện Quảng Nam | 865.742.848 | 865.742.848 |
| - Công ty Cp Kỹ thuật TM & Du lịch Thăng Long | 616.500.601 | 616.500.601 |
| - Chi nhánh Công ty Cp DV Viễn Thông & In Bưu Điện - XN Xây Lắp | 464.032.000 | 464.032.000 |
| - Các khách hàng khác | 8.173.023.057 | 8.173.023.057 |
| Cộng | 10.119.298.506 | 10.119.298.506 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | - | - |
| Trả trước cho người bán khác | 10.100.081.755 | 10.265.081.755 |
| - Công ty Cp Tư vấn HANDIC- Đầu tư và PT Nhà Hà Nội | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| - Công ty Cp Xây lắp Bưu điện Hà Nội | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| - Công ty Cp ĐT & SX Thống Nhất - CN Bình Phước | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 |
| - Các nhà cung cấp khác | 1.300.081.755 | 1.465.081.755 |
| Cộng | 10.100.081.755 | 10.265.081.755 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| <i>Phải thu khác các bên liên quan</i> | 6.729.210.307 | 26.429.210.307 |
| - Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam | - | 17.800.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Quảng Nam | 6.729.210.307 | 8.629.210.307 |
| Các khoản phải thu khác | 64.415.618.333 | 159.284.618.333 |
| - Các khoản phải thu khác | 64.415.618.333 | 153.115.618.333 |
| - Tạm ứng | - | 6.150.000.000 |
| - Các khoản ký quỹ ngắn hạn | - | 19.000.000 |
| Cộng | 71.144.828.640 | 185.713.828.640 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| Thời hạn nợ | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| 1. Công nợ phải thu khách hàng | 10.119.298.506 | 588.590.893 | 10.119.298.506 | 588.590.893 |
| Nợ quá hạn trên 3 năm | 9.412.796.200 | - | 9.412.796.200 | - |
| Nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm | 168.444.875 | 50.533.463 | 168.444.875 | 50.533.463 |
| Nợ dưới 6 tháng | 538.057.431 | 538.057.430 | 538.057.431 | 538.057.430 |
| 2. Ứng trước cho người bán | 10.100.081.755 | 921.904.790 | 10.265.081.755 | 1.086.904.790 |
| Nợ quá hạn trên 3 năm | 8.765.332.455 | - | 8.765.332.455 | - |
| Nợ quá hạn từ 2 đến 3 năm | 32.349.300 | 9.704.790 | 32.349.300 | 9.704.790 |
| Nợ quá hạn từ 1 đến 2 năm | 400.000 | 200.000 | 400.000 | 200.000 |
| Nợ quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm | 1.300.000.000 | 910.000.000 | 1.300.000.000 | 910.000.000 |
| Nợ dưới 6 tháng | 2.000.000 | 2.000.000 | 167.000.000 | 167.000.000 |
| 3. Phải thu khác | 71.144.828.640 | 6.729.210.307 | 185.713.828.640 | 121.298.210.307 |
| Nợ quá hạn trên 3 năm | 64.415.618.333 | - | 64.415.618.333 | - |
| Nợ dưới 6 tháng | 6.729.210.307 | 6.729.210.307 | 121.298.210.307 | 121.298.210.307 |
| Cộng | 91.364.208.901 | 8.239.705.990 | 206.098.208.901 | 122.973.705.990 |

Chi tiết biến động dự phòng

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Số đầu năm | (83.124.502.911) | (21.488.350.329) |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | (61.636.152.582) |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Số cuối kỳ | (83.124.502.911) | (83.124.502.911) |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|-----------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | - | - | - | - |
| Công cụ, dụng cụ | - | - | - | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 8.910.019.214 | (8.910.019.214) | 8.910.019.214 | (8.910.019.214) |
| Hàng hóa | - | - | - | - |
| Cộng | 8.910.019.214 | (8.910.019.214) | 8.910.019.214 | (8.910.019.214) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

8. Tài sản cố định vô hình

| | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|---|--------------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số đầu năm | 675.311.099 | 675.311.099 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>675.311.099</u> | <u>675.311.099</u> |
| <i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 675.311.099 | 675.311.099 |
| Giá trị hao mòn | | |
| Số đầu năm | 675.311.099 | 675.311.099 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>675.311.099</u> | <u>675.311.099</u> |
| Giá trị còn lại | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Số cuối kỳ | <u>-</u> | <u>-</u> |

9. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i> | - | - |
| <i>Phải trả người bán đối tượng khác</i> | 1.382.626.348 | 1.371.626.348 |
| - Công ty TNHH MTV TM DV XD SX Hoàng Gia Phát | 727.975.000 | 727.975.000 |
| - Các nhà cung cấp khác | 632.651.348 | 643.651.348 |
| Cộng | <u>1.382.626.348</u> | <u>1.371.626.348</u> |

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | | <u>Số phát sinh trong kỳ</u> | | <u>Số cuối kỳ</u> | |
|------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Phải nộp</u> | <u>Phải thu</u> |
| - Thuế GTGT tiêu thụ nội địa | - | - | - | - | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 158.807.641 | - | - | - | 158.807.641 | - |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 3.461.175 | - | 4.614.900 | 7.118.471 | 957.604 | - |
| - Thuế tài nguyên | - | 32.083.891 | - | - | - | 32.083.891 |
| - Các khoản thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Cộng | <u>162.268.816</u> | <u>32.083.891</u> | <u>7.614.900</u> | <u>10.118.471</u> | <u>159.765.245</u> | <u>32.083.891</u> |

10a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

10b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

| | | Kỳ này |
|---|------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (1) | (12.097.703.319) |
| Các khoản điều chỉnh tăng: | (2) | - |
| + Chi phí không được trừ | | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm: | (3) | - |
| Tổng thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) - (3) | (5) | (12.097.703.319) |
| Thuế suất | (6) | 20% |
| Chi phí thuế TNDN phải nộp (7) = (6) * (5) | (7) | - |

11. Phải trả phải nộp khác

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả, phải nộp khác các bên liên quan | 2.000.000.000 | - |
| - Công ty CP Khoáng sản Quảng Nam | 2.000.000.000 | - |
| Phải trả, phải nộp khác các nhà cung cấp khác | 33.413.825.198 | 41.199.387.410 |
| - Phan Chí Tâm | 33.000.000.000 | 41.000.000.000 |
| - Các khoản phải trả khác | 413.825.198 | 199.387.410 |
| Cộng | 35.413.825.198 | 41.199.387.410 |

12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**a. Ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | | | | - |
| Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| - Huỳnh Thị Dạ Thảo ⁽¹⁾ | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |
| Cộng | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 | 5.500.000.000 |

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 01/2017/HĐTD ký ngày 14/07/2017. Số tiền vay là 15.000.000.000 đồng. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Mục đích vay bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

b. Dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i> | | | - | - |
| <i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 2.346.758.497 | 2.346.758.497 | 2.226.758.497 | 2.226.758.497 |
| - Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây ⁽²⁾ | 2.346.758.497 | 2.346.758.497 | 2.226.758.497 | 2.226.758.497 |
| Cộng | 2.346.758.497 | 2.346.758.497 | 2.226.758.497 | 2.226.758.497 |

⁽²⁾ Là khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Tây Hồ Tây theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 10TD/THT-VHG ngày 01/10/2016; Hợp đồng tín dụng số 11TD/THT-VHG ngày 01/11/2016; và Hợp đồng tín dụng số 12TD/THT-VHG ngày 25/12/2016. lãi suất 8%/năm. Mục đích vay: bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Hình thức đảm bảo: vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn/dài hạn trong kỳ như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong kỳ | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối kỳ |
|--|----------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------|
| - Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác | 2.226.758.497 | 120.000.000 | - | 2.346.758.497 |
| - Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 5.500.000.000 | - | - | 5.500.000.000 |
| Cộng | 7.726.758.497 | 120.000.000 | - | 7.846.758.497 |

13. Vốn chủ sở hữu**13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

13b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

| | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | Vốn điều lệ đã góp | Vốn điều lệ còn phải góp |
|-------------|---|--------------------------|--------------------------|
| | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 | - |
| Cộng | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 | - |

13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Kỳ này | Kỳ trước |
|-----------------------------|-------------------|-------------------|
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| + Vốn góp cuối kỳ | 1.500.000.000.000 | 1.500.000.000.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

13d. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.500.000 | 1.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 1.500.000 | 1.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 150.000.000 | 150.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 150.000.000 | 150.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------|---------------|-----------------------|
| - Doanh thu bán hàng hóa | - | 16.078.973.210 |
| Cộng | - | 16.078.973.210 |

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--|---------------|-----------------------|
| - Giá vốn bán hàng hóa | - | 24.967.620.406 |
| - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | (508.536.000) |
| - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 8.910.019.214 |
| Cộng | - | 24.967.620.406 |

3. Chi phí tài chính

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| - Lãi tiền vay | 301.387.675 | 197.765.785 |
| - Dự phòng các khoản đầu tư tài chính | 11,100,593,981 | 124.734.237.086 |
| - Lỗ do bán cổ phần | - | 17.100.000.000 |
| - Chi phí tài chính khác | 365.224 | 24.681.294 |
| Cộng | 11.402.346.880 | 142.056.684.165 |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| - Chi phí cho nhân viên | 286.827.500 | 466.650.000 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 5.041.668 |
| - Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 3.000.000 |
| - Chi phí dự phòng | - | 61.636.152.582 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 362.664.211 | 387.062.338 |
| - Các chi phí khác | 15.233.004 | 75.959.461 |
| Cộng | 667.724.715 | 62.573.866.049 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

5. Thu nhập khác

Là chênh lệch lớn hơn từ thu thanh lý TSCĐ và chi phí liên quan đến thanh lý TSCĐ.

6. Chi phí khác

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|---------------------------------|-------------------|--------------------|
| - Chi phí phạt của cơ quan thuế | - | 442.899.475 |
| - Chi phí khác | 27.809.910 | 344.618.072 |
| Cộng | 27.809.910 | 787.517.547 |

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|------------------------------------|--------------------|----------------------|
| - Chi phí nhân công | 286.827.500 | 466.650.000 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 9.749.542 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 362.664.211 | 395.337.338 |
| - Chi phí khác | 15.233.003 | 154.595.825 |
| Cộng | 664.724.714 | 1.026.332.705 |

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Quảng Nam vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

| | <u>Kỳ này</u> | <u>Kỳ trước</u> |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| - Lương và thu nhập khác | 117.326.000 | 230.812.500 |
| - Cổ tức | - | - |
| Cộng | 117.326.000 | 230.812.500 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam | Là công ty con của Công ty, chiếm 96,91% cổ phần |
| 2. Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam | Là công ty con của Công ty, chiếm 98,66% cổ phần |
| 3. Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn | Là Công ty liên kết của Công ty, chiếm tỷ lệ 35% |

Số dư với các bên liên quan xem Thuyết minh mục V.5.

Giao dịch với các bên liên quan

Công ty CP SX Ứng dụng Công nghệ Cao Thái Sơn góp vốn trong kỳ 108.500.000.000

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Hiện tại, Công ty chỉ còn đầu tư vào 2 Công ty con là Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Nam, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Quảng Nam. Các khoản đầu tư này hiện đang thua lỗ và khó có khả năng thu hồi đầy đủ vốn đầu tư ban đầu. Ngoài ra, Công ty cũng đã tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, nhân sự cũng giảm sút. Những vấn đề này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đang thực hiện tái cơ cấu tài chính. Do vậy, trong kỳ Công ty tạm ngưng các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cam kết hoạt động trong những năm tiếp theo khi quá trình tái cơ cấu tài chính hoàn tất.

Tính đến ngày 21 tháng 08 năm 2018, Công ty có đăng ký thay đổi lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 16. Theo đó, Công ty chuyển sang trụ sở mới là Lô 04 KCN Điện Nam-Điện Ngọc, P.Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Địa chỉ: Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Hội đồng quản trị thay đổi

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|---------------------|----------------|-----------------------------------|------------------------|
| Ông Trần Quang Thái | Thành viên | 08/08/2018 | |
| Ông Trần Đăng Khoa | Thành viên | - | 08/08/2018 |

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018.

Người lập biểu

TRƯƠNG VĂN THỊNH

Kế toán trưởng

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

Tổng Giám Đốc



ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU QUẢNG NAM

Địa chỉ: Khu B, Lô 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Phụ lục 01

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| Chi tiêu | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Số dư đầu năm trước | 1.500.000.000.000 | 49.666.628.000 | (32.582.949.816) | 116.129.392.211 | 1.633.213.070.395 |
| 2. Tăng trong năm trước | - | - | - | (1.042.229.616.938) | (1.042.229.616.938) |
| - Tăng từ kết quả kinh doanh | - | - | - | (1.042.229.616.938) | (1.042.229.616.938) |
| - Tăng từ phân phối lợi nhuận | - | - | - | - | - |
| 3. Giảm trong năm trước | - | 23.497.513.116 | (32.582.949.816) | - | (9.085.436.700) |
| - Tăng vốn chủ sở hữu | - | 23.497.513.116 | (32.582.949.816) | - | (9.085.436.700) |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - |
| - Trích thưởng Ban Điều hành | - | - | - | - | - |
| - Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| 4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay | 1.500.000.000.000 | 26.169.114.884 | - | (926.100.224.727) | 600.068.890.157 |
| 5. Tăng trong kỳ này | - | - | - | (12.097.703.320) | (12.097.703.320) |
| - Tăng từ kết quả kinh doanh | - | - | - | (12.097.703.320) | (12.097.703.320) |
| - Tăng từ thặng dư vốn và quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | - | - |
| 6. Giảm trong kỳ này | - | - | - | - | - |
| - Tăng vốn chủ sở hữu | - | - | - | - | - |
| - Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - | - | - |
| - Trích thưởng Ban Điều hành | - | - | - | - | - |
| - Chia cổ tức | - | - | - | - | - |
| 7. Số dư cuối kỳ này | 1.500.000.000.000 | 26.169.114.884 | - | (938.197.928.047) | 587.971.186.837 |

Quảng Nam, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám Đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

LÊ KHIẾU PHƯƠNG

